TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LAI VUNG** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2017/HSST
Ngày: 27/12/2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LAI VUNG, TỈNH ĐỒNG THÁP
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - chủ toạ phiên toà*: Ông Nguyễn Văn Út.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1/ Ông: Đặng Văn Hai.

2/ Ông: Tô Hoàng Vũ.

- *Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà*: Ông Nguyễn Trung Vinh - Cán bộ Toà án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên toà*: Ông Lê Văn Chính - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 12 năm 2017 tại Khóm 1, TT.Lai Vung, huyện Lai Vung; Toà án nhân dân huyện Lai Vung mở phiên tòa lưu động xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 38/2017/HSST, ngày 20 tháng 11 năm 2017 đối với các bị cáo:

1/ Châu T- sinh năm: 1990 (tên gọi khác: Bát Ngao), sinh tại: Đồng Tháp; trú tại: 46A/5, ấp LH, xã LH, huyện Lai Vung, Đồng Tháp; Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: không; Con ông: Nguyễn Văn Y – SN: 1955, con bà: Châu Thị B – SN: 1959; Tiền sự: Ngày 19/01/2017, bị Công an xã Long HậLHu ra quyết định xử phạt 1.500.000 đồng về hành vi "trộm cắp tài sản" (chưa thi hành xong); Tiền án: không; Không bị bắt tạm giữ, tạm giam. Hiện đang tại ngoại tại 46A/5, ấp LH, xã LH, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp (Bị cáo có mặt tại phiên toà).

2/ Bùi Văn T - sinh năm: 1988, sinh tại: Đồng Tháp; trú tại: 115A/5, ấp LH, xã LH, huyện Lai Vung, Đồng Tháp; Trình độ học vấn: 4/12; Nghề nghiệp: Làm thuê; Con ông: Bùi Văn C – SN: 1963, con bà: Hồ Thị B – SN: 1964; Tiền sự: Ngày 05/4/2016, bị Công an xã Long Hậu ra quyết định xử phạt 1.500.000 đồng về hành vi "trộm cắp tài sản" (chưa thi hành xong); Tiền án: không; Không bị bắt tạm giữ, tạm giam. Hiện đang tại ngoại tại 115A/5, ấp LH, xã LH, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp (Bị cáo có mặt tại phiên toà).

- *Người bị hại:*

1. Võ Văn Bé T - sinh năm: 1964; *Trú tại*: 57/5, ấp LH, xã LH, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp (có mặt tại phiên toà).

2. Nguyễn Trường T - sinh năm: 1967; *Trú tại*: 557/1, ấp LT, xã LH, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp (có mặt tại phiên toà).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Nguyễn Thị Thu Hồng - sinh năm: 1960. *Trú tại*: 01 Đinh Hữu Thực, Khóm 2, Phường 2, thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp (vắng mặt tại phiên toà).

NHẬN THẤY:

Bị cáo Châu Tvà Bùi Văn T bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Vào khoảng 08 giờ, ngày 06/4/2017, Châu T đi bộ trên đường đồng từ nhà của mình đến phía sau nhà của ông Võ Văn Bé T để tìm tài sản lấy trộm. Khi đến nhà sau của ông T, T quan sát thấy không có ai trông coi nhà, cửa nhà được khóa lại bằng một sợi dây xích. T giật mạnh làm dây xích đứt ra rồi đi vào bên trong nhà nhìn thấy 01 bình xịt hiệu máy Honda 4Stroke màu đỏ, để gần tủ chén, T lấy mang ra ngoài và kéo cửa nhà lại như lúc đầu. T lấy bao ni long để gần cửa nhà sau để bình xịt vào, đi bộ đến trước nhà của ông Tư Khổ cách đó khoảng 100m và đem giấu bình xịt ở giữa 02 chiếc ghe.

Sau đó, T đi bộ đến nhà ông NT thuê xe mô tô đi tiêu thụ bình xịt. Lúc này bà Lê Thị L ra dấu kêu Lê Tấn L (là con của bà L bị bệnh câm, điếc bẩm sinh) chạy xe chở T để kiếm thêm tiền và Lực đồng ý chở, T chỉ đường cho Lực chạy đến chỗ cất giấu bình xịt để lấy và cả hai chạy đến khu vực chợ LT thì gặp anh Nguyễn Minh T là Công an viên đang chạy xe về nhà phát hiện nên anh T quay xe lại và chạy phía sau xe của Lực và T, đồng thời anh Tiến điện thoại cho anh Lê N là Phó Công an xã LH báo cáo nội dung vụ việc, anh Nguyễn phân công anh T và anh T đến hỗ trợ. Khi Lực chở T đến cầu chùa Long Phước T, thì anh T cho xe vượt lên xe của Lực và yêu cầu dừng lại. Lúc này, T bước xuống xe bỏ bình xịt lại và chạy bộ về hướng chợ LT, anh T đuổi theo giữ T lại thì T lấy ống kim tiêm trong người ra cầm trên tay quơ qua quơ lại, thấy vậy anh T lùi ra phía sau còn T thì bỏ chạy qua đường Cầu Chùa về hướng chợ LLT.

Sau khi bỏ chạy được một đoạn cách Cầu Chùa khoảng 500m, T đi theo đường mòn đến vườn quýt của ông Nguyễn Trường T, T phát hiện 01 xe mô tô màu xám hiệu VISSON, biển số 66L1-254.89 đậu phía trước trại của vườn quýt và không có ai trông coi; T thấy trong hộc xe có để chìa khóa xe, trên xe có 01 bộ đồ đi vườn và 01 nón bảo hiểm màu đỏ nên lấy bộ đồ mặc vào người, đội mũ bảo hiểm và khởi động xe chạy về thị trấn Lai Vung. Khi chạy đến vòng xuyến Rẻ Vạt thuộc xã LT, T thấy Bùi Văn T đang đứng một mình ở quán nước mía gần vòng xuyến. T nói với T là mới trộm được xe nhưng không biết chỗ cầm xe, nhờ T dẫn đi kiếm chỗ cầm xe, số tiền cầm được sẽ chia nhau xài, nghe xong T đồng ý đi cầm xe cùng với T. T chở T về nhà trọ ĐD gần vòng xuyến Rẻ Vạt để lấy nón bảo hiểm, sau đó T dẫn T đến tiệm cầm đồ An K thuộc Phường 2, thành phố

Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp. Tại đây, T và T giao dịch cầm xe cho bà Nguyễn Thị Thu H nhưng không cầm được do T và T không ai có giấy chứng minh nhân dân. T điện thoại cho Mai (không rõ họ tên và địa chỉ) là nhân viên bán quán nhậu ở gần ngã ba Bác Hồ để hỏi mượn giấy chứng minh nhân dân của Mai để cầm xe thì Mai đồng ý. T chạy lại chỗ Mai lấy giấy chứng minh nhân dân photo rồi đem về chổ bà H để cầm xe, nhưng do giấy chứng minh photo không có mặt của M nên bà H không đồng ý cho cầm xe. Lúc này T gặp được bạn tên Nguyễn Thành T đến tiệm cầm đồ An K để chuộc lại tài sản nên T hỏi T mượn giấy chứng minh nhân dân để cầm xe thì Tuấn đồng ý cho T mượn giấy chứng minh nhân dân photo. T lấy giấy chứng minh nhân dân photo, T lấy giấy đăng ký xe mô tô tên Trần Thị Ngọc Q vừa trộm được đưa cho bà H và trực tiếp giao dịch cầm xe với bà H được 15.000.000 đồng, lúc này T đứng cách chỗ T và T khoảng 02m. Sau khi thỏa thuận xong bà H viết giấy biên nhận cầm xe và kêu T đi vào ký tên vào biên nhận.

Sau đó, T và T đi ra quán gần tiệm cầm đồ An K. Tại đây, T chia cho T 7.500.000 đồng và T 7.500.000 đồng, nhận được tiền xong T thuê xe mô tô xuống thành phố Vĩnh Long mua ma túy sử dụng, còn T thì quay lại tiệm cầm đồ An Kiên cầm xe mô tô trên thêm 2.000.000 đồng, số tiền này T không chia cho T. Do trước lúc cầm xe T có hỏi mượn giấy chứng minh nhân dân của Mai nên T cho Mai 1.000.000 đồng. Số tiền cầm xe tổng cộng 17.000.000 đồng, T và T đã tiêu xài hết.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 26, 27/KL-ĐGTS cùng ngày 26/4/2017 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện Lai Vung xác định: 01 bình phun thuốc bảo vệ thực vật hiệu máy Honda 4Stroke màu đỏ, thể tích 25 lít giá trị là 4.300.000 đồng; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, màu xám, loại xe VISSON biển số 66L1-254.98 có giá trị là 27.400.000 đồng. Tổng giá trị tài sản là 31.700.000 đồng.

Tại cáo trạng số: 38/CT-VKS ngày 20/11/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp, đã truy tố Châu T ra trước Toà án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp, để xét xử về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự và Bùi Văn T về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo khoản 1 Điều 250 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà Kiểm sát viên khẳng định, việc truy tố trên là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, Châu T đã có hành vi lén lút chiếm đoạt của Nguyễn Trường T một xe mô tô màu xám hiệu VISSON, biển số 66L1-254.89 có giá trị là 27.400.000 đồng và của Võ Văn Bé T một bình phun thuốc hiệu máy Honda có giá trị là 4.300.000 đồng, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã lén lút chiếm đoạt tài sản có giá trị trên 2.000.000đ do đó hành vi của bị cáo đã có đầy đủ các yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" phạm vào khoản 1 Điều 138 BLHS. Bùi Văn T biết T trộm xe mà có rồi cùng T đi cầm xe, nên đã có đầy đủ các yếu tố cấu thành tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo khoản 1 Điều 250 BLHS.

Trên cơ sở phân tích, tính chất nguy hiểm do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra, nguyên nhân, điều kiện dẫn đến tội phạm, nhân thân của từng bị cáo, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm h, p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; xử phạt Châu Ttừ 02 năm đến 03 năm tù. Áp dụng khoản 1 Điều 250; điểm b, h khoản 1 Điều 46 xử phạt Bùi Văn T từ 09 tháng đến 01 năm tù. Về phần dân sự đề nghị buộc 02 bị cáo cùng liên đới bồi thường cho bà Nguyễn Thị Thu Hồng 8.000.000đ.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và lời trình bày của những người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY:

Tại phần tranh luận các bị cáo Châu T và Bùi Văn T đều nhận tội, nên không có tranh luận gì với Kiểm sát viên, chỉ yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Lời nhận tội của các bị cáo là đúng với hiện trường vụ án, phù hợp với lời khai người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng cùng các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, các bị cáo khai phù hợp nhau. Võ Văn Bé T và Nguyễn Trường T đã xác định đúng là bình xịt và xe máy của các anh bị mất, do đó lời nhận tội của các bị cáo là có căn cứ. Tài sản mà Châu T chiếm đoạt có tổng giá trị là 31.700.000 đồng. Còn hành vi của Bùi Văn T thì biết rõ tài sản mà Châu T trộm cắp mà có nhưng vẫn cùng T đi cầm, các bị cáo thực hiện tội phạm với lỗi cố ý, khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo đã đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự và nhận thức rõ hành vi của mình là trái pháp luật, cho nên hành vi của bị cáo Châu T có đầy đủ các yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" phạm vào khoản 1 Điều 138 BLHS; Bùi Văn T phạm vào tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" phạm vào khoản 1 Điều 250 BLHS.

Tại khoản 1 Điều 138 BLHS có quy định:

"1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm T hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xoá án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm…".

Tại khoản 1 Điều 250 BLHS có quy định:

1. Người nào không hứa hẹn trước mà chứa chấp, tiêu thụ tài sản biết rõ là do người khác phạm tội mà có, thì phạt tiền từ năm triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm, hoặc bị phạt tù từ sáu tháng đến ba năm...".

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, làm ảnh hưởng đến tình hình trật tự, trị an ở địa phương, xâm phạm tài sản của người khác một

cách trái phép, tài sản của công dân là khách thể được luật hình sự bảo vệ, nghiêm cấm mọi hành vi xâm phạm đến, thế nhưng vì ý thức xem thường pháp luật và không tôn T tài sản của người khác mà các bị cáo phạm tội, vì vậy việc đưa các bị cáo ra xét xử lưu động công khai như ngày hôm nay là cần thiết, thể hiện sự nghiêm minh của pháp luật.

Tính chất vụ án là ít nghiêm T, nhưng đã gây hoang mang cho quần chúng nhân dân, làm ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an ở địa phương, gây bất bình trong dư luận, vì tài sản sơ hở sẽ bị chiếm đoạt bất cứ lúc nào, vì vậy cần thiết có một mức hình phạt để răn đe giáo dục chung trong xã hội.

Trong vụ án này có 02 bị cáo vai trò của từng bị cáo được thể hiện như sau:

Châu Tlà người giữ vai trò chính, là người trực tiếp thực hiện hành vi lấy tài sản của các bị hại, bị cáo là người đã có tiền sự, bị cáo trộm nhiều lần mỗi lần trộm đều trên 2.000.000đ, đây là tình tiết tặng nặng trách nhiệm hình sự được qui định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; cho nên phải có mức hình phạt nghiêm để răn đe giáo dục bị cáo.

Bị cáo Bùi Văn T là người cùng bị cáo T đi cầm tài sản, T là người mượn giấy chứng minh nhân dân và trực tiếp giao dịch cầm xe và nhận tiền cầm xe và biết rõ đây là tài sản do phạm tội mà có, tại phiên tòa bị cáo chưa thành khẩn khai báo; vì vậy cần phải có mức hình phạt để giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho gia đình và xã hội.

Hội đồng xét xử cũng thấy rằng bị cáo Châu T đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm T đây là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự. Bị cáo T đã tích cực khắc phục một phần hậu quả cho bà Hồng 9.000.000đ, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm T, nên được tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm h, b khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Đối với Nguyễn Thị Thu H có hành vi nhận cầm xe, nhưng không biết tài sản do trộm mà có, nên không xem xét xử lý. Còn Nguyễn T T có cho bị cáo T mượn giấy chứng minh nhân dân để cầm xe, nhưng không biết xe trộm mà có, nên cũng không xem xét xử lý.

Lê Tấn L có sử dụng xe mô tô chở bị cáo T đem bình phun thuốc trừ sâu đi tiêu thụ, nhưng Lực là người bị câm, điếc và không biết tài sản do T trộm mà có, nên không xem xét xử lý.

Trách nhiệm dân sự: Các bị hại đã nhận lại tài sản của mình, không yêu cầu gì, Hội đồng xét xử không đặt thành vấn đề xem xét giải quyết. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thu H đã nhận số tiền khắc phục của bị cáo T 9.000.000đ, còn 8.000.000đ bà H yêu cầu bị cáo T và bị cáo T cùng liên đới trả cho bà; bị cáo Châu Tđồng ý cùng liên đới trả, còn bị cáo T không đồng ý trả; Hội đồng xét xử xem xét cần buộc 02 bị cáo cùng liên đới trả 8.000.000đ cho bà Hồ là đúng qui định pháp luật.

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo Điều 99 BLTTHS và án phí dân sự sơ thẩm theo Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Các bị cáo, người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo: Châu T phạm tội "Trộm cắp tài sản". Bị cáo Bùi Văn T phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có".

1- Áp dụng: Khoản 1 Điều 138; điểm h, p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Châu T– 02 (hai) năm tù; Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

2- Áp dụng: Khoản 1 Điều 250; điểm b, h khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Bùi Văn T – 01 (một) năm tù; Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

3- Về phần dân sự: Áp dụng Điều 357 và Điều 579 Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Châu T và bị cáo Bùi Văn T cùng liên đới trả 8.000.000đ cho bà Nguyễn Thị Thu H.

Đối với tiền hoàn trả khi có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án mà bên phải thi hành án chậm trả, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả cho bên được thi hành án thêm phần lãi, theo mức lãi suất 10%/năm, tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm trả cho đến khi trả xong.

4- Án phí:

- Các bị cáo Châu Tvà Bùi Văn T mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ.
- Bị cáo Châu T và bị cáo Bùi Văn T cùng liên đới phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 400.000đ.

Các bị cáo, người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 27/12/2017; đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Lai Vung;

- Cơ quan THAHS huyện Lai Vung;
- Cơ quan điều tra huyện Lai Vung;
- Chi cục THADS huyện Lai Vung;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Tháp;
- Các bị cáo;
- Các đương sự trong vụ án;

(Đã ký)

Nguyễn Văn Út